

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/DS-ST

Ngày: 08-4-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T.

Địa chỉ: Số 06 Đinh Bộ L, Phường 2, thành phố M, tỉnh T.

Ủy quyền lại: Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1985 – Phó Trưởng phòng giao dịch G.

Địa chỉ: Võ Duy L, Phường 1, thị xã G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã Bình T, huyện G, tỉnh T.

(*Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T, bà Võ Thị Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà N trình bày:***

Ngày 28/4/2020, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T – Phòng giao dịch G cho bà Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020, lãi suất vay 24%/năm; thời hạn vay 24 tháng, phương thức trả nợ vốn, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần; mục đích vay tiêu dùng; hình thức cho vay tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Đến ngày 04/11/2021, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn là 15.000.000 đồng và lãi là 5.521.067 đồng. Từ ngày 04/11/2021 cho đến nay bà T không trả tiền vốn và lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 08/4/2022, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 15.000.000 đồng và lãi 4.226.976 đồng.

Bà N (đại diện ủy quyền của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T) yêu cầu bà T trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T – Phòng giao dịch G số tiền 19.226.976 đồng (trong đó vốn 15.000.000 đồng, lãi 4.226.976 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020 cho đến khi trả xong nợ; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến.***

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy đại diện nguyên đơn, bà Võ Thị Thanh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng quy định của pháp luật; nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N và bà T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T yêu cầu bà T trả lại cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T – Phòng giao dịch G số tiền 19.226.976 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020 cho đến khi trả xong nợ là có cơ sở. Bởi lẽ, bà N trình bày Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T – Phòng giao dịch G có cho bà Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng, theo hợp đồng tín

dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 24%/năm. Bà N thừa nhận bà T đã trả được tiền vốn 15.000.000 đồng và lãi là 5.521.067 đồng. Từ ngày 04/11/2021, bà T ngưng trả vốn và lãi cho đến nay là đã vi phạm hợp đồng; tính đến ngày 08/4/2022, bà T còn nợ 19.226.976 đồng (trong đó vốn 15.000.000 đồng và lãi 4.226.976 đồng). Bà T đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và nội dung các tài liệu, chứng cứ đã được công bố và nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho bà T, nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ Ngân hàng. Do đó, Đại diện Ngân hàng yêu cầu bà T trả lại số tiền như trên là có cơ sở; nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự.
- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T.
- Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T – Phòng giao dịch G số tiền 19.266.976 đồng (*Mười chín triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng*) (trong đó vốn gốc là 15.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 08/4/2022 là 4.266.976 đồng) và lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020 cho đến khi trả xong nợ; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải chịu lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng số 202024980794 ngày 28/4/2020 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tiền.

- Về án phí:
+ Bà T phải chịu 961.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
+ Hoàn lại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T tiền tạm ứng án phí 427.000 đồng theo biên lai số 0005937 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đại diện Ngân hàng TMCP Sà – Chi nhánh T và bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu